

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## SODIUM HYDROXIDE 45%

Số CAS:1310-73-2

Số UN: 1823,1824

Số đăng ký EC: 215-185-5

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại :

- Nguy hiểm đến sức khỏe: 1
- Biện pháp bảo vệ cá nhân: C

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):



### PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

- Tên thường gọi của chất: Xút lỏng

- Tên thương mại: Sodium Hydroxit, Natri Hydroxit

- Công thức hóa học: NaOH

- Mục đích sử dụng: Sử dụng trong hầu hết các ngành công nghiệp và xử lý nước thải.

Tên nhà sản xuất/ phân phối và địa chỉ:

**Công Ty TNHH Hóa Chất Trần Gia**

Địa Chỉ: Số 8B, Tổ 12A, KP.10,P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

ĐT: +84 613 831267 – Fax: + 84 613 831257

<http://hoachattrangia.com>, <http://cemaco.com.vn>

### PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Hydrxit	1310-73-2	NaOH	45%
Nước	7732-18-5	H <sub>2</sub> O	55%

### PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm

Có khả năng làm hồng mắt; tiếp xúc kéo dài với da có thể gây viêm da

### PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

**1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):** dùng nước sạch rửa nhiều lần tối thiểu 10 phút. Yêu cầu giúp đỡ về y tế.

**2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):** Trút bỏ quần áo dính sản phẩm và xối rửa vùng cơ thể bị thương bằng nước.

**3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):** Nhanh chóng rời khỏi khu vực bị ảnh hưởng . Yêu cầu y tế giúp đỡ.

**4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):** cho súc miệng nước sạch nhiều lần, sau đó bằng dung dịch Natri Bicarbonate 5% , và bằng thuốc làm dịu chống viêm như sữa.

**5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có) :** Cần có sự theo dõi về mặt y tế.

### PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

**1. Xếp loại về tính cháy :** Không cháy

**2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không

**3. Các chất sinh ra trong quá trình cháy, nổ :** Chưa có thông tin

**4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** không

**5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Mặc đồ bảo hộ toàn thân

**6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) :**

Trích nguồn: <http://hoachattrangia.com>

## PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** tìm chỗ rò rỉ bịt lại, dụng dụng cụ như xô, ca nhựa múc thu hồi rồi dùng nước sôi rửa sạch mặt bằng nơi tràn chảy hóa chất.
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:** Dụng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh không để chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa khác chỡ về nơi sản xuất xử lý, sau đó dụng nước vôi hoặc soda trung hòa, phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy.

## PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** Phải có đầy đủ trang bị phòng hộ cỡ nhỏ, cách ly khỏi kim loại; các chất hữu cơ, nitrate, chlorate và carbide.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:** Thiết bị chứa đảm bảo có độ chắc chắn, vật liệu là nhựa, thủy tinh, thép phủ composit, khu vực chứa phải có bờ ngăn, phương tiện thu hồi khi có tràn chảy.

## PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:** Không được tiếp xúc trực tiếp
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
  - Bảo vệ mắt: dùng kính
  - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo BHLĐ
  - Bảo vệ tay: đi găng tay
  - Bảo vệ chân: Đi giày hoặc ủng
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** Mũ, kính, quần áo, găng tay cao su, ủng
- 4. Các biện pháp vệ sinh :** Tắm rửa vệ sinh thân thể sau khi tiếp xúc với hóa chất.

## PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: dạng lỏng	Điểm sôi ( $^{\circ}\text{C}$ ): 140 $^{\circ}\text{C}$
Màu sắc: trắng đục hoặc ngà vàng	Điểm nóng chảy ( $^{\circ}\text{C}$ ): 12 $^{\circ}\text{C}$
Mùi đặc trưng: mùi hăng	Điểm bùng cháy ( $^{\circ}\text{C}$ ) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1.5mm Hg ở 25 $^{\circ}\text{C}$	Nhiệt độ tự cháy ( $^{\circ}\text{C}$ ): Chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ tan trong nước : tan nhiều và tỏa nhiều nhiệt	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ pH: 10-13(dung dịch 45%)	Tỷ lệ hoá hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (g/ml): 1,45 (dung dịch 45%)	Các tính chất khác: chưa có thông tin

## PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

- 1. Tính ổn định:** ổn định
- 2. Khả năng phản ứng:**
  - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy:
  - Các phản ứng : Tránh tiếp xúc với các chất có tính axit như H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, HCL, HNO<sub>3</sub>. Các kim loại

**PHẦN XI: Thông tin về độc tính**

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sodium Hydroxit 45%	LD 50	1.000mg/kg	Miệng	Thỏ
Sodium Hydroxit 45%	LD 50	600mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người : Chưa có thông tin

2. Các ảnh hưởng độc khác : Chưa có thông tin

**PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường**

1. Độc tính với sinh vật : làm tổn thương các sinh vật trong hệ sinh thái khi với lượng lớn.

2. Tác động trong môi trường.

- Một lượng lớn chất thải ra có thể gây ra sự axit hóa các dòng chảy, là một chất gây đông có thể gây ra sự lắng đọng các thể rắn trong hệ.

- Mức độ phân hủy sinh học: Không bị vi khuẩn phân hủy

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin

- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin

**PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất**

1. Thông tin quy định tiêu hủy: Tuân thủ theo quy định Pháp luật Việt Nam

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : chưa có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: Chưa có thông tin

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Chưa có thông tin

**PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm, hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN	1823, 1824	Sodium Hydroxide	5 + 8	II + III		Chưa có thông tin
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1823, 1824	Sodium Hydroxide	5 + 8	II + III		Chưa có thông tin

**PHẦN XV: Thông tin về luật pháp**

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: chưa có thông tin

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: chưa có thông tin

**PHẦN XVI: Thông tin khác**

Ngày tháng biên soạn phiếu: Ngày 28 tháng 09 năm 2016

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: Ngày 02 tháng 01 năm 2017

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Hóa Chất Trần Gia

**Lưu ý người đọc:**

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các hiểu biết kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn, tuy nhiên chúng không thể đảm bảo cho sự an toàn một cách tuyệt đối, nội dung trên phiếu an toàn này chỉ có giá trị lưu hành nội bộ, không có giá trị khi phát hành rộng rãi, Công ty TNHH Hóa Chất Trần Gia không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với cá nhân và tổ chức khác phát hành.

Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Trách nhiệm của người sử dụng là phải biết áp dụng, xác định những thông tin cần thiết và sử dụng chúng thật thận trọng trong từng mục đích.